



**Khảo sát dự luận về công tác xây dựng nông thôn mới
tại các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
TỈNH NGHỆ AN**

□ NGUYỄN THỊ MINH TÚ*
□□ NGUYỄN THỊ HIỀN**
□□□ NGUYỄN THỊ KIM QUY***

Năm 2023, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An tổ chức cuộc điều tra, thăm dò dự luận xã hội của đội ngũ cán bộ, đảng viên và người dân về công tác xây dựng nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh. Kết quả nghiên cứu là nguồn số liệu tin cậy, mang tính khoa học cao, phản ánh đúng hiện trạng công tác xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh. Số liệu phục vụ tốt cho công tác quản lý tham mưu và ra quyết định chính sách về xây dựng nông thôn mới. Nhiệm vụ tiến hành điều tra, khảo sát và phỏng vấn 2 nhóm đối tượng là: người dân (1.050 người dân) và cán bộ (455 cán bộ, công chức cấp xã và thôn bản; 20 cuộc phỏng vấn sâu cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện và xã) trên địa bàn 26 xã/7 huyện miền núi (Thanh Chương, Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong).

* TS - GD Trung tâm KHXH&NV Nghệ An

** CN - Trung tâm KHXH&NV Nghệ An

*** Th S - Khoa Kinh tế, Trường Cao đẳng du lịch thương mại Nghệ An

1. Thông tin chung các hộ tham gia khảo sát

Trong tổng số 1.050 người dân đại diện cho hộ tham gia trả lời, có 49,1% nam và 50,9% nữ. Về thành phần dân tộc: Thái (63,6%), Kinh (19,5%), Thổ (6,7%), Khơ Mú (6,5%) và Mông (3,7%). Cơ cấu độ tuổi: từ 30 tuổi trở xuống chiếm 7,1%, từ 31 đến 40 tuổi chiếm 47,1%, từ 41 đến 50 tuổi chiếm 16,1%, từ 51 đến 60 tuổi chiếm 13,6% và trên 60 tuổi chiếm 15,8%. Trình độ học vấn người dân tham gia cuộc khảo sát còn hạn chế, đa số chỉ học cấp 1 và cấp 2: tiểu học (17,6%), trung học cơ sở (38,7%), trung học phổ thông (27,2%), trung cấp (9,2%), cao đẳng, đại học và sau đại học (4,7%) và 2,6% số người không biết đọc, biết viết. Phân theo nghề nghiệp có: nông dân (71,7%), lao động tự do (14,1%), hưu trí (7,6%), kinh doanh buôn bán (5,0%) và cán bộ công chức, viên chức (1,6%).

Trong tổng số 455 cán bộ tham gia trả lời, có 347 cán bộ cấp xã và 108 cán bộ cấp xóm, thôn, bản. Phân theo giới tính, có 59,6% nam và 40,4% nữ. Về thành phần dân tộc chủ yếu là người Thái (chiếm 64,8%), còn lại là người Kinh (chiếm 25,3%), Thổ (chiếm 4,0%), Khơ Mú (chiếm 3,1%) và Mông (chiếm 2,9%). Cơ cấu độ tuổi: từ 30 tuổi trở xuống chiếm 1,8%, từ 31 đến 40 tuổi chiếm 39,6%, từ 41 đến 50 tuổi chiếm 40,2%, từ 51 đến 60 tuổi chiếm 14,1% và trên 60 tuổi chiếm 4,4%. Phân theo trình độ học vấn: cao đẳng, đại học và sau đại học chiếm 73,0%, trung cấp chiếm 8,8% và các cấp hệ giáo dục phổ thông chiếm 18,2%; tuy nhiên đối với cán bộ cấp xóm, thôn, bản trình độ học vấn là khá thấp (THPT chiếm 45,4%, THCS và Tiểu học là 29,6%).

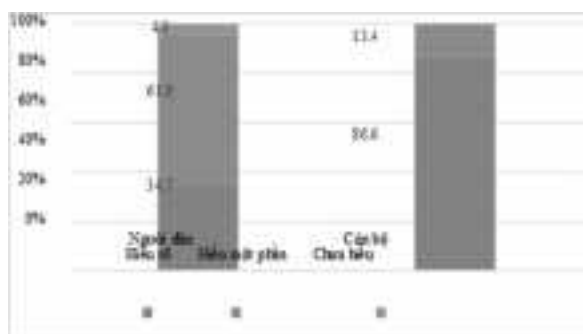
2. Tư duy, tâm thế của đội ngũ cán bộ và người dân trong xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới

a) Nhận thức và sự tham gia, đóng góp của cán bộ và người dân xây dựng nông thôn mới.

- Về nhận thức, hiểu biết về chương trình xây dựng nông thôn mới: Đa số người dân được khảo sát có nghe, biết về chương trình xây dựng NTM nhưng mức độ nhận biết, thông hiểu chưa đầy đủ các nội dung được truyền tải. Cụ thể, có 98,5% người dân có biết về chủ trương, nội dung chương trình nhưng trong đó có tới 61,0% chỉ hiểu một phần. 100% cán bộ cấp xã và cấp thôn, bản biết về chủ trương, nội dung chương trình xây dựng NTM, trong đó 86,6% hiểu rõ và 13,4% hiểu một phần.

Hình 1. Sự hiểu biết về chủ trương, nội dung chương trình xây dựng NTM

(Nguồn: Kết quả điều tra, khảo sát)



- Về huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới: Người dân đã tham gia, đóng góp ngày công lao động (82,6% số lượt hộ); tiền mặt, hiện vật xây dựng các công trình CSHT (74,8%); họp bàn bạc, đóng góp ý kiến (59,3%); hiến đất và tài sản trên đất làm đường giao thông và các công trình công cộng (36,3%)... Tuy nhiên, do cuộc sống khó khăn, dân còn nghèo nên đóng góp tài chính trong dân còn hạn hẹp. Việc quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của người dân xây dựng CSHT được thực hiện tốt, báo cáo công khai trong dân qua các cuộc họp chi bộ, họp thôn, bản và mọi khoản có sự giám sát chặt chẽ của người dân. Người dân tự đánh giá việc huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng mang lại hiệu quả khá cao ở các xã khu vực III; cụ thể: có 34,7% đánh giá hiệu quả rõ và 46,3% đánh giá mức khá hiệu quả; rất ít tiêu cực trong sử dụng các khoản đóng góp (76,2% đánh giá không có tiêu cực).

- Kết quả việc huy động người dân đóng góp xây dựng NTM: Việc triển khai xây dựng NTM tại các xã đặc biệt khó khăn (ĐBK) đã và đang phát huy quy chế dân chủ cơ sở tại các địa phương. Điểm số TB trong các nhận định, đánh giá từ 3,82 điểm cho tới 4,05 điểm tương ứng mức *Đồng ý* đã thể hiện được sự đồng tình khá cao của đội ngũ cán bộ và người dân với những kết quả mà địa phương đã đạt được trong triển khai xây dựng NTM trên các phương diện: thực hiện theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, dân thụ hưởng”; việc huy động người dân tham gia, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng trong xây dựng NTM tại các địa phương là phù hợp với sức dân; người dân chủ động đóng góp công sức, vật lực đồng lòng xây dựng NTM tại địa phương.

Bảng 1. Kết quả xây dựng NTM tại các địa phương (xã chưa đạt chuẩn NTM)

(Nguồn: Kết quả điều tra, khảo sát)

Nhận định	Đối tượng	Hỏi		Được	Đồng ý	Hỏi	Điểm TB	Đánh giá chung
		tuần	Không					
		không	đồng ý	đương	ý	qua		
		đồng ý	ý	đương	ý	đồng ý		
1. Thực hiện đồng phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, dân thụ hưởng”	Cán bộ	4,7	1,1	12,0	40,0	42,2	4,10	4,05 Đồng ý
	Người dân	5,8	2,0	16,2	41,8	34,0	3,90	
2. Người dân chủ động đóng góp công sức, vật lực đồng lòng xây dựng NTM tại địa phương	Cán bộ	2,6	3,2	18,8	42,8	33,6	3,99	3,94 Đồng ý
	Người dân	4,2	2,1	17,2	46,2	28,2	3,88	
3. Việc tuy đồng người dân đóng góp xây dựng CSHT trong xây dựng NTM tại địa phương phù hợp với sức dân	Cán bộ	3,0	7,1	13,8	50,7	25,4	3,68	3,82 Đồng ý
	Người dân	6,0	4,5	20,8	43,0	25,0	3,75	

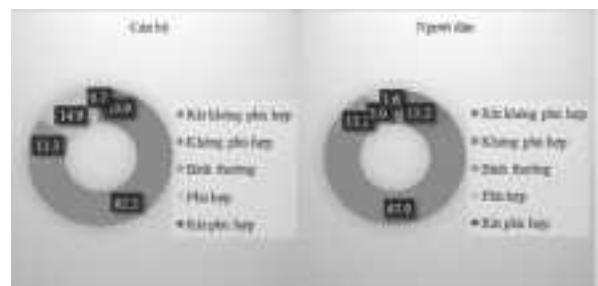
b). Đánh giá tác động sự thay đổi chính sách hỗ trợ của nhà nước sau khi các xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới

Trong quá trình triển khai chương trình xây dựng NTM đã có các cơ chế chính sách, nguồn lực hỗ trợ nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; từ đó góp phần cho các xã đạt các tiêu chí theo

quy định. Tuy nhiên, đối với các xã ĐBK điểm xuất phát thấp, ngành nghề việc làm thiếu ổn định, thu nhập thấp và bấp bênh. Việc cắt giảm các cơ chế, chính sách hỗ trợ của nhà nước sau khi được công nhận đạt chuẩn NTM tại các xã này được phần lớn cán bộ và người dân đánh giá là không phù hợp với thực tiễn của địa phương. Cụ thể, điểm trung bình tại các xã đã đạt chuẩn là 2,38/5 điểm, trong đó có: 59,0% số cán bộ cho là Rất không phù hợp và Không phù hợp; 73,4% người dân cho là Rất không phù hợp và Không phù hợp. Tại các xã chưa đạt chuẩn điểm trung bình là 2,22/5 điểm; tỷ lệ có đánh giá Rất không phù hợp và Không phù hợp tương ứng: cán bộ 73,1% - người dân 82,2%.

Hình 2. Tính phù hợp của việc cắt giảm cơ chế chính sách hỗ trợ của nhà nước so với thực tiễn tại các xã ĐBK (xã chưa đạt chuẩn NTM)

(Nguồn: Kết quả điều tra, khảo sát)



Việc cắt giảm các cơ chế, chính sách hỗ trợ của nhà nước sau khi xã đạt chuẩn NTM đã và đang ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần của cán bộ và người dân. Khi bị cắt giảm các chính sách, đời sống của người dân tại các xã ĐBK sau khi đạt chuẩn NTM (khu vực I) bị ảnh hưởng khá nhiều, đặc biệt là chính sách về BHYT, giáo dục, vay vốn ưu đãi (lĩnh vực y tế là 1,96/5 điểm; giáo dục là 2,39/5 điểm và vay vốn tín dụng là 2,84/5 điểm tương ứng mức *Ảnh hưởng khá nhiều*). Đối với các xã ĐBK (khu vực III), trong cảm nhận, đánh giá của cán bộ và người dân mức độ ảnh hưởng này

còn nhiều hơn (lĩnh vực y tế là 1,64/5 điểm tương ứng mức *Ảnh hưởng rất nhiều*; lĩnh vực giáo dục là 1,92/5 điểm và vay vốn tín dụng là 2,08/5 điểm tương ứng mức *Ảnh hưởng khá nhiều*). Riêng lĩnh vực nội vụ, sự thay đổi chính sách này được đội ngũ cán bộ công tác ở xã khu vực I đánh giá là *Ảnh hưởng khá nhiều* tới cuộc sống của họ và đội ngũ cán bộ đang công tác ở xã khu vực III đánh giá là *Ảnh hưởng rất nhiều*.

Bảng 2. Mức độ ảnh hưởng của thay đổi chính sách khi không còn sự hỗ trợ của nhà nước (xã chưa đạt chuẩn NTM)

Lĩnh vực	Đội tượng	Ảnh hưởng rất nhiều	Ảnh hưởng khá nhiều	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng	Điểm TB	Đánh giá chung
1. Y tế	Cán bộ	36,5	32,7	6,7	3,1	3,0	1,64
	Người dân	67,3	17,0	3,4	4,6	7,3	1,67
2. Giáo dục	Cán bộ	39,2	43,7	8,2	4,9	4,3	1,91
	Người dân	55,2	23,0	3,2	3,2	10,0	1,93
3. Vay vốn tín dụng	Cán bộ	44,3	32,1	14,9	4,8	4,8	1,94
	Người dân	47,3	20,1	10,9	6,6	13,1	2,23
4. Đất đai (đất ở, đất sản xuất)	Cán bộ	32,7	38,1	18,8	7,2	3,3	2,16
	Người dân	44,8	19,6	11,3	7,0	14,0	2,32
5. Kinh doanh - mua bán cơ rừng	Cán bộ	30,4	34,2	18,3	8,4	8,7	2,31
	Người dân	35,5	18,9	7,9	3,8	31,0	2,80
6. Nội vụ	Cán bộ	46,7	35,0	12,8	1,5	3,7	1,80
	Người dân	23,9	16,8	4,7	3,7	53,4	3,42

(Nguồn: Kết quả điều tra, khảo sát)

Một bộ phận cán bộ và người dân có tư tưởng không muốn về đích NTM vì lo ngại bị cắt các quyền lợi, chế độ chính sách. Thực tế, một số địa phương đang “mất động lực” phấn đấu “về đích NTM” liên quan đến vấn đề chính sách hỗ trợ, quyền lợi của người dân. Sự thay đổi cơ chế chính sách này không tránh khỏi trở ngại cho việc xây dựng và phấn đấu về đích NTM của các xã ĐBKK (48,4% ý kiến của cán bộ cho là có trở ngại lớn và 38,5% cho là có trở ngại nhưng không đáng kể).

Trong tương quan so sánh, cán bộ và người

dân tại các xã khu vực I đã và đang dần thích nghi với sự thay đổi về cơ chế chính sách nên trong cảm nhận, đánh giá của họ mọi mặt đời sống bị ảnh hưởng nhưng mức độ ít hơn so với đánh giá của đội ngũ cán bộ, người dân đang làm việc và sinh sống ở các xã khu vực III.

3. Tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng nông thôn mới

Để các xã ĐBKK xây dựng NTM thành công cần có sự tổng hòa của nhiều yếu tố, bao gồm: Điều kiện kinh tế, thu nhập của người dân; Điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở; Sự huy động nội lực của cộng đồng; Trình độ dân trí, nhận thức của người dân; Vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội; Năng lực của cán bộ địa phương; Các chương trình, dự án được triển khai tại địa phương; Vai trò của người có uy tín trong cộng đồng.

Bảng 3. Tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng NTM (xã chưa đạt chuẩn NTM)

Các tiêu chí	Đội tượng	Ảnh hưởng rất nhiều	Ảnh hưởng khá nhiều	Ảnh hưởng trong bình	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng	Điểm TB	Đánh giá chung
1. Vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức CT-XH	Cán bộ	40,4	26,6	9,0	3,3	8,7	1,97	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	30,2	28,1	11,0	4,7	5,8	1,80	
2. Năng lực của cán bộ địa phương (tư, học hỏi)	Cán bộ	41,7	32,3	12,4	6,0	7,3	2,03	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	44,3	32,3	12,0	3,4	6,0	1,97	
3. Trình độ dân trí, nhận thức của người dân	Cán bộ	48,5	33,8	11,2	4,2	2,3	1,78	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	40,4	25,2	18,1	4,6	3,7	1,90	
4. Điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở	Cán bộ	48,9	36,8	7,9	4,1	2,3	1,74	Ảnh hưởng rất nhiều
	Người dân	32,3	29,2	10,8	3,6	4,1	1,78	
5. Điều kiện kinh tế/Thu nhập của người dân	Cán bộ	63,0	25,7	5,9	4,1	0,7	1,53	Ảnh hưởng rất nhiều
	Người dân	82,5	23,4	18,2	2,7	3,2	1,81	
6. Sự huy động nội lực của cộng đồng	Cán bộ	45,4	35,8	11,5	3,0	2,3	1,83	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	48,7	28,0	14,3	6,3	4,3	1,92	
7. Các chương trình, dự án được triển khai tại địa phương	Cán bộ	40,2	36,0	14,0	4,2	5,0	1,98	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	39,3	32,2	18,8	3,0	6,7	2,08	
8. Vai trò của người có uy tín trong cộng đồng	Cán bộ	26,0	38,3	23,0	3,4	10,0	2,30	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	35,3	28,0	21,3	6,6	7,8	2,23	

(Nguồn: Số liệu điều tra)

Trong đó, điều kiện kinh tế/ thu nhập của người dân và điều kiện tự nhiên, hạ tầng cơ sở là 2 yếu tố có sự ảnh hưởng lớn nhất và mang tính quyết định (điểm trung bình đánh giá về tầm quan trọng của yếu tố điều kiện kinh tế/ thu nhập của người dân là 1,67/5 điểm tương ứng mức *Ảnh hưởng rất nhiều*: 89,3% cán bộ và 75,9% người dân cho là ảnh hưởng rất nhiều và khá nhiều; điểm trung bình yếu tố điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở là 1,76/5 điểm tương ứng mức *Ảnh hưởng rất nhiều*: 85,7% cán bộ và 81,5% người dân cho là ảnh hưởng rất nhiều và khá nhiều). Kết quả này đồng nghĩa rằng, các xã ĐBKK cần tập trung vào mắt xích yếu nhất, cần tập trung nguồn lực để nâng cao thu nhập và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng.

4. Một số kết quả và vấn đề đặt ra trong thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các địa phương

Kết quả công tác xây dựng NTM của các địa phương đạt được đến nay được đội ngũ cán bộ và người dân đánh giá khá tốt (điểm trung bình là 3,58/5 điểm); ghi nhận những đổi thay tốt hơn so với khi chưa bắt đầu xây dựng NTM về: điều kiện cơ sở hạ tầng, đời sống văn hóa - xã hội, môi trường, đời sống của nhân dân. Mục tiêu của chương trình xây dựng NTM là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tuy nhiên, đời sống kinh tế, thu nhập của người dân vẫn chưa có sự cải thiện rõ (29,7% cán bộ và 41,6% người dân đánh giá là đời sống kinh tế dân cư không đổi). Những kết quả xây dựng NTM tại các xã ĐBKK đạt được vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng được kỳ vọng của cán bộ và người dân (có 88,5% cán bộ và 82,8% người dân cho rằng chương trình mới đáp ứng được phần nào).

Những ý kiến, đánh giá của đội ngũ cán bộ và người dân cũng thẳng thắn nhìn nhận, chỉ ra các tồn tại, bất cập trong quá trình xây dựng NTM tại các địa phương này như:

Một số tiêu chí đã đạt chuẩn nhưng chưa

bền vững, chưa hiệu quả (như: quy hoạch, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, thủy lợi, môi trường và an toàn thực phẩm, an ninh - quốc phòng...). Có sự áp đặt, mang tính hình thức trong triển khai chương trình (58,5% cán bộ và 56,3% người dân nhận định Có tình trạng này).

Vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước trong một bộ phận cán bộ và người dân - đây là “nút thắt khó mở nhất” (điểm trung bình là 3,21/5 điểm tương ứng mức *Trung bình*: 83,8% cán bộ 62,0% người dân nhận định Có tình trạng này).

Các xã ĐBKK đang gặp rất nhiều khó khăn để hoàn thành được 19 tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn NTM (với 27,6% số ý kiến cho là rất khó khăn và 65,5% số ý kiến cho là khó khăn); trong số các tiêu chí khó thực hiện thì 3 tiêu chí khó nhất là thu nhập, hộ nghèo và lao động có việc làm.

Hình 3. Mức độ khó khăn đối với việc hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng NTM tại các địa phương (xã chưa đạt chuẩn NTM)



(Nguồn: Số liệu điều tra)

Tốp 5 khó khăn chính mà các địa phương này đang gặp phải khi thực hiện các tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn NTM gồm: tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao/ khá cao (76,2% lượt ý kiến); thiên tai bất thường gây thiệt hại lớn (72,5% lượt ý kiến); thiếu kinh phí từ ngân sách (61,5% lượt ý kiến); cơ sở hạ tầng thiếu, yếu kém (58,4% lượt ý kiến); địa bàn rộng, dân



Một góc bản Nưa, huyện Con Cuông hôm nay

cư sinh sống phân tán (53,6% lượt ý kiến).

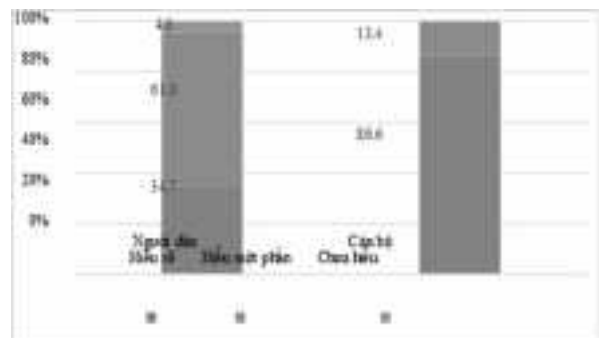
Sau gần 3 năm triển khai thực hiện các tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021 - 2025 với 19 tiêu chí, 57 chỉ tiêu. Bộ tiêu chí này có những yêu cầu mới, nhiều chỉ tiêu theo hướng nâng cao và toàn diện hơn nên thực tế các địa bàn miền núi rất khó đạt được. Quá trình triển khai tại các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi, một số tiêu chí/ nội dung rất khó thực hiện, không phù hợp thực tiễn cần được xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp hơn với đặc thù vùng miền. Đó là các chỉ tiêu liên quan đến các tiêu chí như: TC 6 Cơ sở vật chất văn hóa; TC 7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; TC 9 Nhà ở dân cư; TC 10 Thu nhập; TC 11 Hộ nghèo; TC 17 Môi trường và ATTP.

5. Nhu cầu, nguyện vọng của đội ngũ cán bộ và người dân về cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới

a) Trong quá trình xây dựng NTM: Tập trung nguồn lực, tăng cường đầu tư các dự án, chính sách hỗ trợ cho những xã đăng ký đạt chuẩn trong năm, trong giai đoạn để tạo động lực cho các xã, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí.

b) Sau khi về đích NTM: Phần lớn đội ngũ cán bộ và người dân đồng ý với đề xuất tiếp tục duy trì các cơ chế chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi sau khi về đích NTM. Thời gian duy trì là từ 3 - 5 năm sau (tỷ lệ đồng ý tại xã đạt chuẩn NTM là 70,7% và tại xã chưa đạt chuẩn NTM là 71,2%).

Hình 4. Thời gian được tiếp tục hưởng cơ chế chính sách của nhà nước sau khi xã về đích NTM



(Nguồn: Số liệu điều tra)

6. Một số giải pháp thúc đẩy xây dựng nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

a. Giải pháp về xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới

- Xây dựng chính sách đặc thù cho các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi sau khi về đích NTM. Việc cắt giảm các chính sách nên chia theo mức độ và lộ trình giảm dần (không cắt hẳn, cắt đột ngột). Giữ nguyên các chính sách hỗ trợ trong 5 năm đối với các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi sau khi về đích NTM.

- Xây dựng chính sách đặc thù cho các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi trong quá trình xây dựng NTM như: chính sách thu hút cán bộ tri thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về công tác tại các xã khu vực này; chính sách cho cán bộ thôn, bản; chính sách hỗ trợ cho các hộ nhận khoán khoanh nuôi, bảo vệ rừng; cơ chế chính sách phù hợp, đủ mạnh hỗ trợ cho các thôn, bản xây dựng NTM.

b. Giải pháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức, hiểu biết của người dân về xây dựng nông thôn mới và từng bước xóa bỏ tâm lý trông chờ, ỷ lại.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, truyền thông tới mọi tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức chủ trương, chính sách về xây dựng NTM. Trong đó, chú trọng đến phương thức tuyên truyền qua hệ thống cụm loa truyền thanh của các thôn, bản; tuyên truyền tại chỗ cho người dân. Các nội dung tuyên truyền thực hiện bằng tiếng địa phương (tiếng dân tộc thiểu số) giúp người dân dễ nghe, dễ hiểu.

- Xem xét loại bỏ cách hỗ trợ dựa trên tiêu chí nghèo hoặc cận nghèo, để người dân tập trung hăng hái lao động sản xuất, thoát nghèo bền vững, từng bước xóa bỏ tư tưởng “nghèo” là bị mất chính sách hoặc xin vào hộ nghèo để được hưởng chính sách; rà soát, bãi bỏ chính sách hỗ trợ trực tiếp đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

c. Giải pháp lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án

Cần thực hiện đồng bộ, hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm đồng thời 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (xây dựng

nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi). Trong đó, cần thống nhất về cơ chế, nguyên tắc lồng ghép, cũng như tách bạch về các nội dung, đối tượng, phạm vi đầu tư, hỗ trợ.

d. Giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng các mô hình sinh kế, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

- Hướng vào những hộ có điều kiện và khả năng phát triển sản xuất, để các hộ này trở thành mô hình tiêu biểu, chứng minh được hiệu quả, gắn với thực hiện Chương trình OCOP, giúp các hộ khác thay đổi tư duy, tập quán sản xuất cũ để học tập và làm theo.

- Tận dụng tối đa những lợi thế về điều kiện tự nhiên, biến các khó khăn về điều kiện địa hình chia cắt, miền núi thành lợi thế để phát triển các hoạt động kinh tế đặc thù, độc đáo (cảnh quan hùng vĩ, tham quan nghỉ dưỡng, phát triển các loại nông đặc sản,...). Phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô vừa và lớn với những vùng có điều kiện phù hợp, hướng tới các loại đặc sản đặc thù, gắn với thực hiện chương trình OCOP; thực hiện chế biến tại chỗ theo quy mô phù hợp; phát triển du lịch nông thôn.

- Thúc đẩy mô hình liên kết, hợp tác sản xuất theo luật hợp tác xã, theo chuỗi giá trị, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ. Quan tâm phát triển các hợp tác xã có doanh nghiệp nhỏ là thành viên. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đầu tư vào vùng DTTS và miền núi.

- Ưu tiên các dự án, mô hình phát triển kinh tế phát huy được lợi thế đất rừng (như: mô hình nông lâm kết hợp, mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng). Phát triển kinh tế rừng để đón cơ hội bán tín chỉ carbon cũng như dịch vụ môi trường rừng và phát triển kinh tế dưới tán rừng. Đồng thời, sớm có phương án liên quan đến tín chỉ carbon (đề án kinh doanh tín chỉ carbon rừng; cơ chế chi trả tín dụng carbon cho nông dân...).

- Phát huy các lợi thế sẵn có, thu hút đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp sơ chế, chế biến nông sản tại địa phương miền núi để tạo việc làm và thu nhập cho người dân. Trong đó, tập trung vào 3 yếu tố: hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; hạ tầng và nguồn nhân lực.

e. Giải pháp hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn

- Tập trung đầu tư, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống của người dân trên địa bàn các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi để làm động lực phát triển kinh tế: xây dựng các tuyến đường giao thông, kết nối vùng sản xuất hàng hóa; các công trình nước sạch sinh hoạt; thủy lợi; trường học; nhà ở dân cư; nhà văn hóa và khu thể thao thôn, bản... Trong đó, các tuyến đường giao thông xã nối xã, bản nối bản nhà nước cần hỗ trợ 100%.

- Việc xây dựng cơ sở hạ tầng trong nông thôn mới cần ưu tiên cho các thôn, bản ĐBKK hơn là ở phạm vi cấp xã. Nội dung xây dựng hạ tầng thiết yếu cũng cần lựa chọn quy mô phù hợp với khả năng tham gia thực hiện của cộng đồng, để cộng đồng có thể cùng nhau bàn bạc, xây dựng phương án, tổ chức thi công... Việc lựa chọn các công trình từ nhỏ đến lớn, có sự tham gia trực tiếp của người dân, chính là quá trình hình thành sự tự tin và tinh thần hợp tác cho người dân trong cộng đồng thôn.

f. Giải pháp về đẩy mạnh chính sách hỗ trợ tín dụng

- Tập trung vào cho vay phát triển sản xuất quy mô lớn, nông nghiệp công nghệ cao, nuôi trồng, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị phục vụ xuất khẩu,...

- Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai, thực hiện các chương trình tín dụng chính sách đặc biệt ở các xã này như: chính sách tín dụng khuyến khích người dân vay vốn xây dựng NTM; chính sách về các thành phần kinh tế; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào

nông thôn; chính sách an sinh xã hội; chính sách đào tạo nghề cho nông dân.

- Khuyến khích cho vay ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội; tăng định mức và giảm lãi suất cho vay; ưu tiên giảm lãi suất cho vay đối với những hộ thoát nghèo.

g. Giải pháp xây dựng tiêu chí nông thôn mới ở thôn, bản vùng DTTS và miền núi đặc biệt khó khăn.

Xây dựng tiêu chí NTM ở thôn, bản cần hướng vào các nội dung về tổ chức cộng đồng hơn là những kết quả đầu ra như tiêu chí cấp xã. Các nội dung xây dựng NTM ở thôn, bản cần thực hiện trên cơ sở trao quyền lựa chọn và quyết định cho cộng đồng; nên thiết kế Bộ tiêu chí nông thôn mới theo hình thức tính điểm cho khối lượng công việc hoàn thành để động viên, khen thưởng, nhất là với thôn, bản ĐBKK.

h. Giải pháp khác

- Rà soát, điều chỉnh một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí về xã Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng cho xã miền núi khu vực III cho phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội và bản sắc văn hóa các dân tộc. Cụ thể các tiêu chí: hộ nghèo, thu nhập, nhà ở dân cư, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, cơ sở vật chất văn hóa, môi trường và ATTP,....

- Phát huy vai trò, nâng cao năng lực, động lực, quyền lực của Ban phát triển thôn, bản trong xây dựng nông thôn mới: Ban phát triển thôn, bản là lực lượng đặc biệt quan trọng, gồm những người có uy tín, trách nhiệm, có năng lực tổ chức triển khai, do cộng đồng thôn, bản trực tiếp bầu và Chủ tịch UBND xã có quyết định công nhận.

- Lập và triển khai kế hoạch thôn, bản là công việc quan trọng cần được tổ chức thực hiện: Phát huy tổ chức cộng đồng, với 03 tiêu chí: (i) có Ban phát triển thôn, bản; (ii) có hương ước, quy ước; (iii) có kế hoạch phát triển thôn, bản. □